

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ KONTUM  
TỈNH KONTUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2016/DS-ST

Ngày: 04-01-2016.

“*V/v tranh chấp đòi nợ tiền*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM – TỈNH KONTUM**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:** Ông Đỗ Văn Toàn.

**Các Hội thẩm nhân dân:** 1/ Ông Bùi Văn Minh.

2/ Bà Nguyễn Thị Sương.

**Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:** Ông Nguyễn Hữu Tiến - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố KonTum - tỉnh KonTum.

Ngày 04-01-2016, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố KonTum - tỉnh KonTum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2015/TLST-DS ngày 14-8-2015 về việc “*Tranh chấp đòi nợ tiền*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2015/QĐST-DS ngày 14-12-2015 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Phước C., sinh năm 1957 Có mặt.

Trú tại: Số 126 Trường S. - phường Yên T. - thành phố Plei K. - tỉnh Gia L.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn Đ., sinh năm 1968. Có mặt.

Nơi ĐKKHKT: Số 83B Hùng V., phường Quang T., thành phố KonT., tỉnh KonT.; Hiện ở tại: Số 17 Dương Đình N. - phường Lê L. - thành phố KonT. - tỉnh KonT.

**NHẬN THẤY:**

Trong đơn khởi kiện ngày 14-8-2015, đơn xin thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện ngày 07/9/2015 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Phước C. trình bày.

Do có quan hệ bà con với nhau nên vào ngày 17/3/2010 tôi có cho ông Phạm Văn Đ. mượn số tiền gốc là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng), mục đích để ông Đ. mua xăng dầu, khi mượn tiền ông Đ. có hứa sau khi bán xăng dầu sẽ trả lại tiền cho tôi tuy nhiên đến năm 2011 ông Đ. nghĩ không bán xăng dầu nữa nhưng vẫn không chịu trả tiền cho tôi, vì chỗ bà con nên tôi để ông Đ. trả dần nhưng đến nay ông Đ. vẫn không chịu trả tiền cho tôi mà hứa hẹn kéo dài, hiện nay tôi phát hiện ông Đ. đã bán hết tài sản nhà, đất cho ông Lý A Đ. nhưng vẫn không chịu trả tiền cho tôi mà có dấu hiệu tẩu tán tài sản.

Nay tôi yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Văn Đ. trả cho tôi số tiền gốc là 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*), tôi không yêu cầu tính lãi suất.

Tại văn bản ngày 24-8-2015 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn ông Phạm Văn Đ. trình bày:

Vào tháng 1/2010 giữa tôi, bà Phạm Thị Thu T. và ông Trần Phước C. có thoả thuận góp vốn làm ăn chung với nhau nên vào ngày 17/3/2010 tôi có nhận của ông Trần Phước C. số tiền 180.000.000 đồng mục đích để mua xăng dầu, sau khi nhận tiền của ông C. thì tôi đã giao lại tiền trên cho bà T. để mua xăng dầu. Nay ông C. khởi kiện yêu cầu tôi trả số tiền 180.000.000 đồng tôi không đồng ý, vì tiền tôi đã giao cho bà Phạm Thị Thu T. chủ doanh nghiệp tư nhân Ngân T. nên ông Trần Phước C. phải khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Thu T. trả cho ông số tiền 180.000.000 đồng.

### **XÉT THẤY:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà trên cơ sở tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà bị đơn ông Phạm Văn Đ. thừa nhận vào ngày 17/3/2010 có nhận của ông Trần Phước C. số tiền 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*) nhưng cho rằng đã giao số tiền này cho bà Phạm Thị Thu T. nên bà T. sẽ chịu trách nhiệm trả số tiền nói trên cho ông Trần Phước C., tuy nhiên ý kiến này của ông Đ. không được ông Trần Phước C. đồng ý mà ông Trần Phước C. cho rằng ông đưa tiền cho ông Phạm Văn Đ. mượn để mua xăng dầu chứ không phải đưa cho bà Phạm Thị Thu T. nên yêu cầu ông Đ. trả số tiền nói trên và có cung cấp một giấy mượn đề ngày 17-3-2010 có nội dung mượn để mua xăng dầu, Tòa án đã ra thông báo yêu cầu ông Phạm Văn Đ. cung cấp chứng cứ để chứng minh cho việc ông giao lại số tiền 180.000.000 đồng cho bà Phạm Thị Thu T. nhưng ông Đ. không cung cấp được chứng cứ mặt khác theo Điều 315 Bộ luật dân sự quy định về việc chuyển giao nghĩa vụ dân sự: "*Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ dân sự cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý...*", trong trường hợp này ngoài việc ông Phạm Văn Đ. không cung cấp được chứng cứ đã giao lại số tiền trên cho bà Phạm Thị Thu T. thì bên có quyền là ông Trần Phước C. cũng không đồng ý việc chuyển giao nghĩa vụ dân sự. Vì vậy, ông Phạm Văn Đ. phải chịu trách nhiệm trả số tiền 180.000.000 đồng cho ông Trần Phước C.. Đối với ý kiến của ông Phạm Văn Đ. cho rằng đã giao lại số tiền nói trên cho bà Phạm Thị Thu T. thì ông có quyền khởi kiện bà T. bằng một vụ án khác.

Về lãi suất tại phiên toà ông Trần Phước C. không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*Án phí:* Đơn khởi kiện của ông Trần Phước C. được chấp nhận nên ông Phạm Văn Đ. phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 25 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 305; Điều 290; Điều 471; Điều 474; Điều 477 Bộ luật dân sự.

**Xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Phước C. về việc “*Tranh chấp đòi nợ tiền*”, đơn đề ngày 14/8/2015 và đơn xin thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện ngày 07/9/2015.

Buộc ông Phạm Văn Đ. phải trả cho ông Trần Phước C. số tiền là 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Phước C. có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Phạm Văn Đ. chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

**Án phí:** Căn cứ Điều 128; khoản 1 Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5; Điều 18, khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27-02-2009.

Ông Phạm Văn Đ. phải chịu 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Trần Phước C. 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007498 ngày 14-8-2015 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 243 và Điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04-01-2016), nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh KonTum;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND TP KonTum;
- THA dân sự TP KonTum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Văn Toàn**